

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày: 19-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị A.

Ông Huỳnh Ngọc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38.1/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Anh T; sinh năm: 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Đường K, Phường I, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc A và bà: P Thị Hồng Q; tiền án: 01 (ngày 20/11/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2014/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/01/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính đưa người vào Trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi “thường xuyên trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhiều lần vi phạm pháp luật, đã được giáo dục tại địa P mà vẫn không chịu sửa chữa” theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND;

bị bắt giữ ngày: 26/9/2018 đến 27/9/2018 được trả tự do; bị bắt tạm giam ngày: 15/01/2019.

2. Nguyễn Văn H; sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Đường K, Phường I, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: / (không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (chết) và bà: Nguyễn Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/10/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2010/HS-ST, ngày 28/3/2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 162/2010/HSST ngày 25/11/2010 của Tòa án nhân dân Quận 10 phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 185/2011/HSPT, ngày 08/8/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 241/2014/HSST; bị bắt tạm giam ngày: 15/01/2019.

(Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Đỗ Thu P - Sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Q, Phường S, Quận O, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Trần Ngọc A – Sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Đường K, Phường I, Quận O, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 26/09/2018, Trần Anh T rủ Nguyễn Văn H đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, H đồng ý. T lấy xe mô tô hiệu Honda Click biển số 59U1-959.33 chở H đi qua các tuyến đường để tìm tài sản; khi đến trước nhà số 29 đường Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì T nhìn thấy chị Đỗ Thu P đang ngồi trên xe mô tô và sử dụng điện thoại di động nên T chỉ cho H thấy, T chạy xe vượt qua chị P khoảng 30 mét thì quay đầu xe và điều khiển xe chở H chạy ngược chiều áp sát bên trái chị P, để H ngồi sau dùng hai tay giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đen của chị P nhưng bị chị P ghì chặt nên H không giật được, thấy vậy T liền tăng ga bỏ chạy nhưng vừa chạy được khoảng 10 mét thì T và H bị người dân đạp ngã xe,

H chạy thoát, còn T bị bắt giữ cùng P tiện; giải giao đến Công an Phường 2, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Trên cơ sở lời khai của Trần Anh T và thông qua kết quả truy tìm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra và tiến hành bắt tạm giam đối với Trần T Anh, Nguyễn Văn H về hành vi “Cướp giật tài sản”.

Quá trình điều tra, Trần Anh T và Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi như trên.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đen. Tại Kết luận định giá tài sản số 1033/KL-ĐGTS ngày 06/12/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đen trị giá 4.600.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho cho chị Đỗ Thu P. Nhận lại tài sản, chị P không có yêu cầu khác.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Click biển số 59U1- 959.33; qua xác minh chiếc xe trên do ông Trần Ngọc A (cha của Trần Anh T) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/09/2018, ông A cho T mượn xe. Sau đó, T sử dụng xe cùng đồng phạm đi chiếm đoạt tài sản, ông A không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trả lại xe trên cho ông Trần Ngọc A.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Trần Anh T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Nguyễn Văn H về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Trần Anh T, Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vẫn giữ lời khai và không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại,

bị cáo T tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án) và phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm s, h, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo, xử phạt bị cáo:

Trần Anh T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Nguyễn Văn H từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Trần Anh T, Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Các bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra đối với bị cáo T: Ngày 20/11/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị truy tố và xét xử thêm một tình tiết định khung nữa quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, cung cấp P tiện chỗ đồng bọn chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát, còn bị cáo H trực tiếp chiếm đoạt tài sản, ngoài ra bản thân các bị cáo có đặc điểm nhân thân không tốt, cụ thể: Đối với bị cáo T: Ngày 30/01/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính đưa người vào Trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi “thường xuyên trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhiều lần vi phạm pháp luật, đã được giáo dục tại địa P mà vẫn không chịu sửa chữa”; đối với bị cáo H: Ngày 26/10/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2010/HS-ST, ngày 28/3/2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 162/2010/HSST ngày 25/11/2010 của Tòa án nhân dân Quận 10 phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 185/2011/HSPT, ngày 08/8/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, tất cả đã được xóa tiền sự, tiền án. Do vậy hành vi phạm tội

của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa P; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo T một số tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo T tích cực hợp tác với cơ điều tra trong quá trình điều tra vụ án) và phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; do vậy Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm s, h, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo và lượng hình thích hợp đối với các bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H do đã xóa án tích.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chưa chiếm đoạt được; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Anh T, Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” (Phạm tội chưa đạt).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm s, h, t khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 57; Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Anh T;

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2019 trừ đi thời gian bị bắt giữ (từ ngày 26/9/2018 đến ngày 27/9/2018).

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo H chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

Nguyễn Triệu Luật